



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP BOT Cầu Thái Hà

Ngày 30/09/2025	2,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.2%	-	-

DT thuần Q3/25
15.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.20 -7.1%
YoY: ▲ 2.70 21.2%

LN thuần Q3/25
-15.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.90 -6.3%
YoY: ▲ 2.30 12.4%

LN sau thuế Q3/25
-15.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.90 -6.3%
YoY: ▲ 2.30 12.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
61.1%
YoY: +/-▲ 0.2%

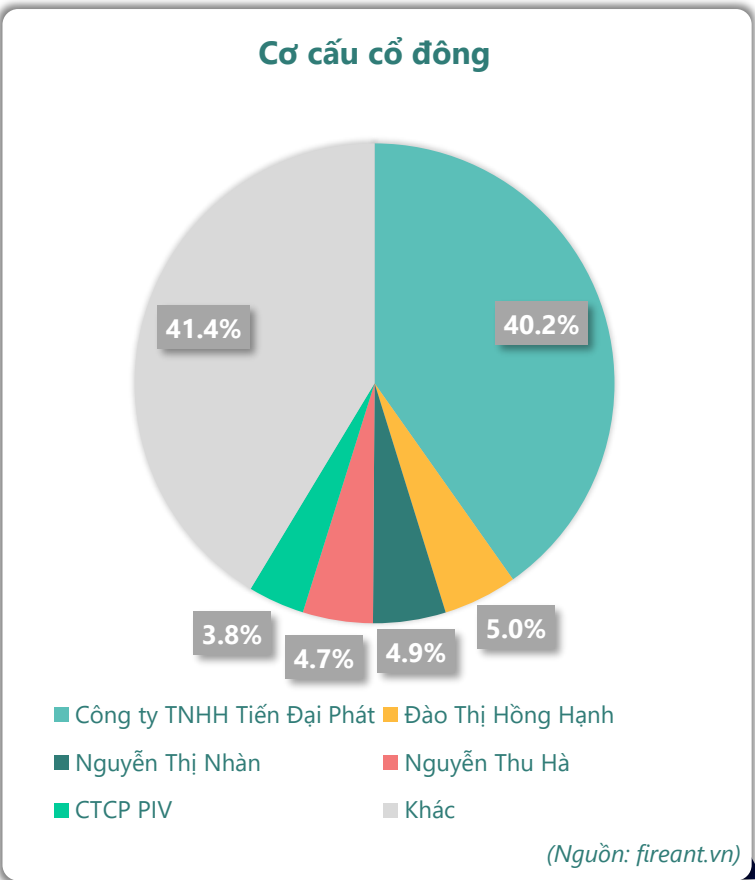
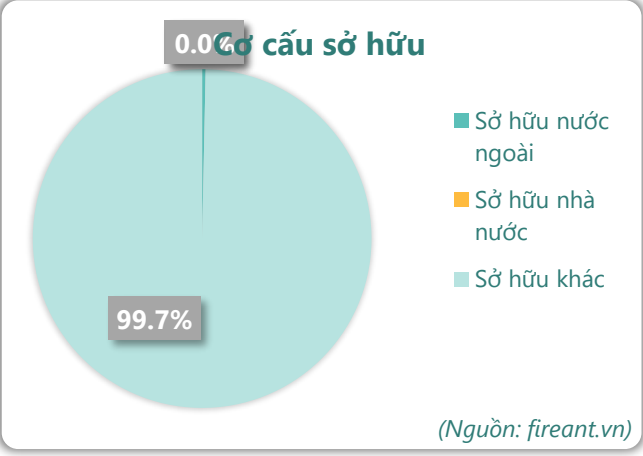
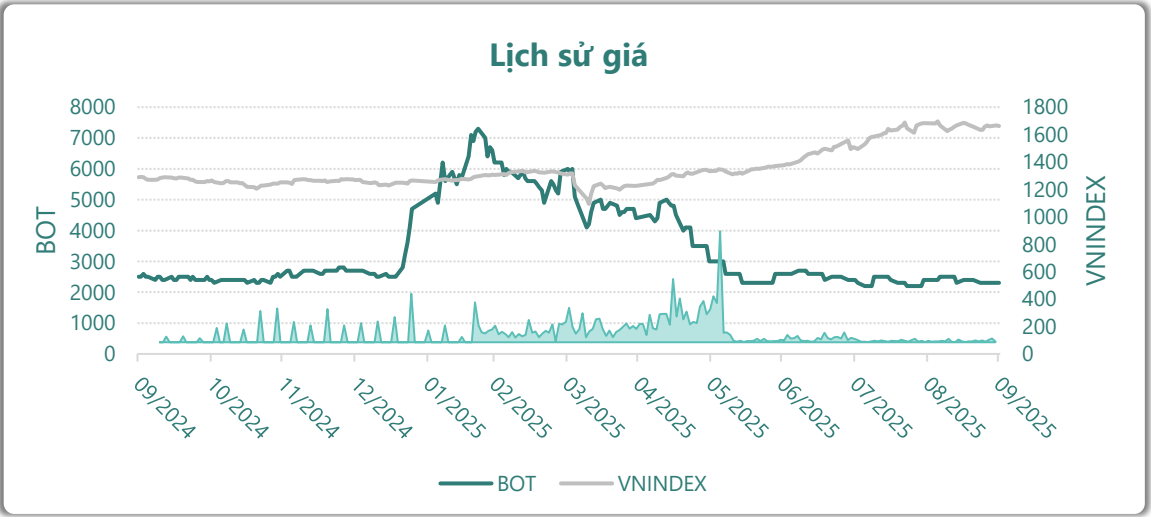
ROE (TTM) Q3/25
112%
YoY: +/-▲ 8.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,200 - 7,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	136
Số lượng CPLH (CP)	59,246,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	125,680
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	1.39
EPS	4,349
P/E	0.5

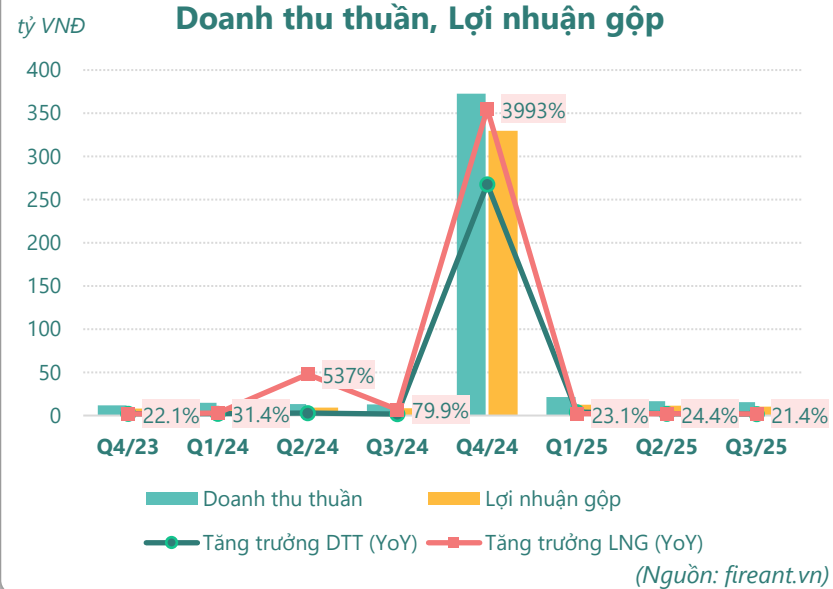
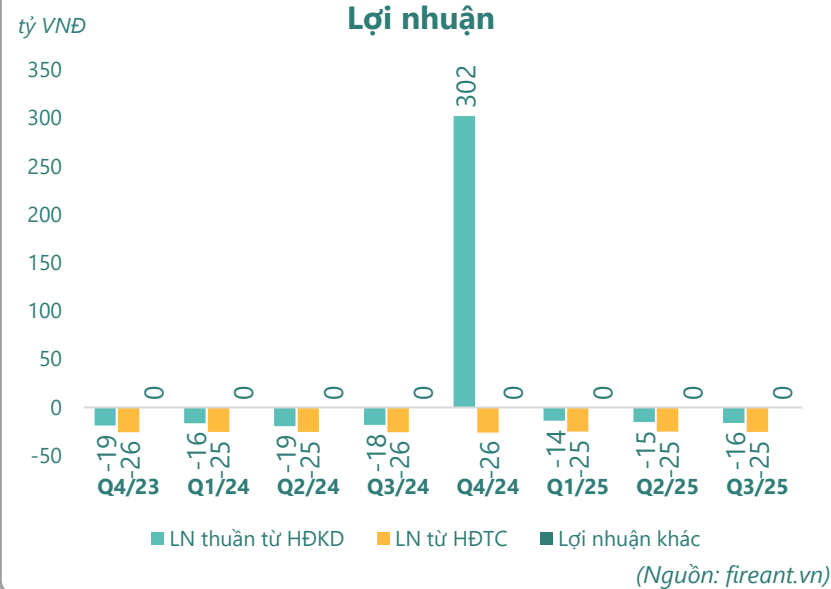
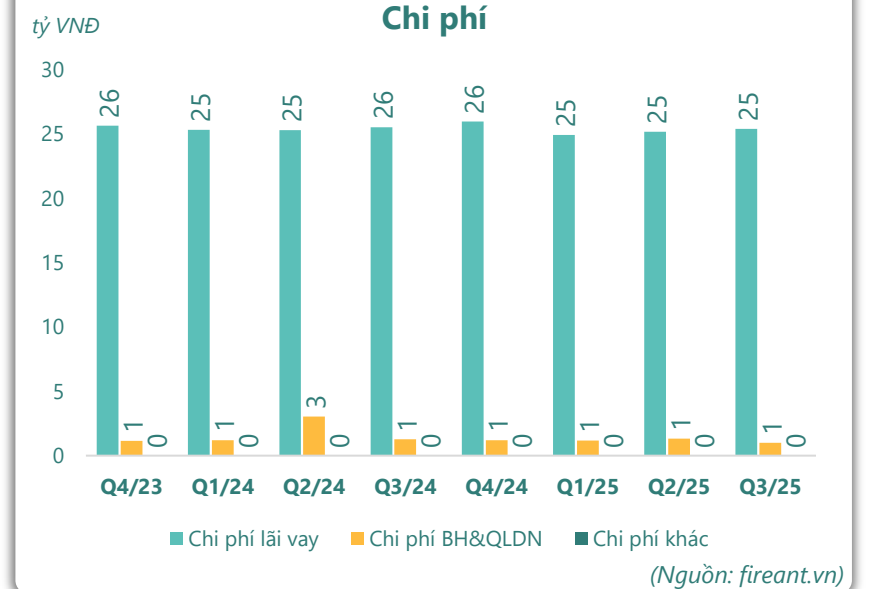
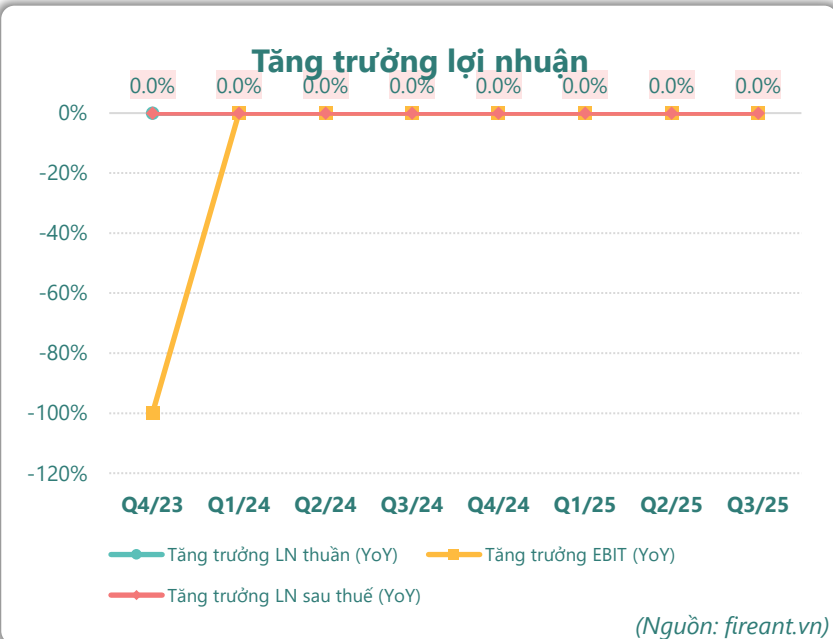
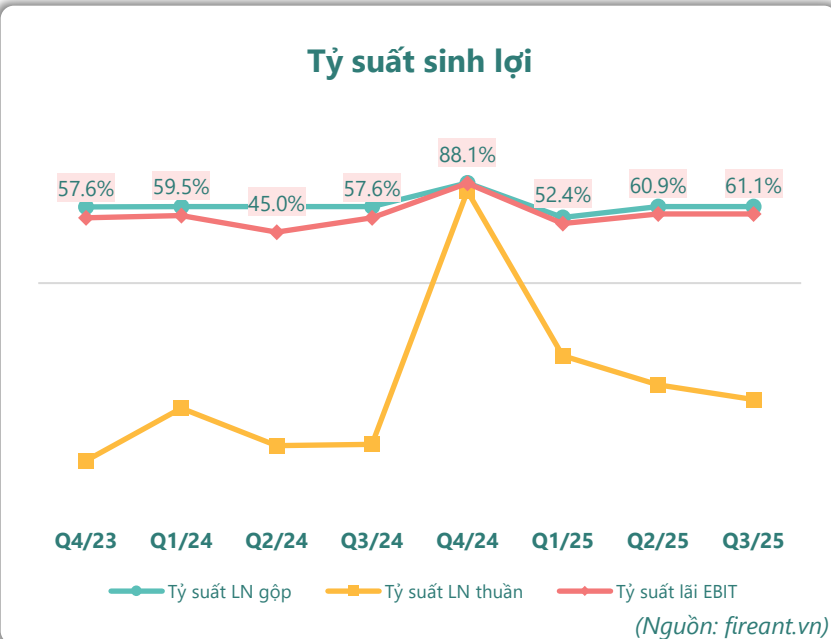
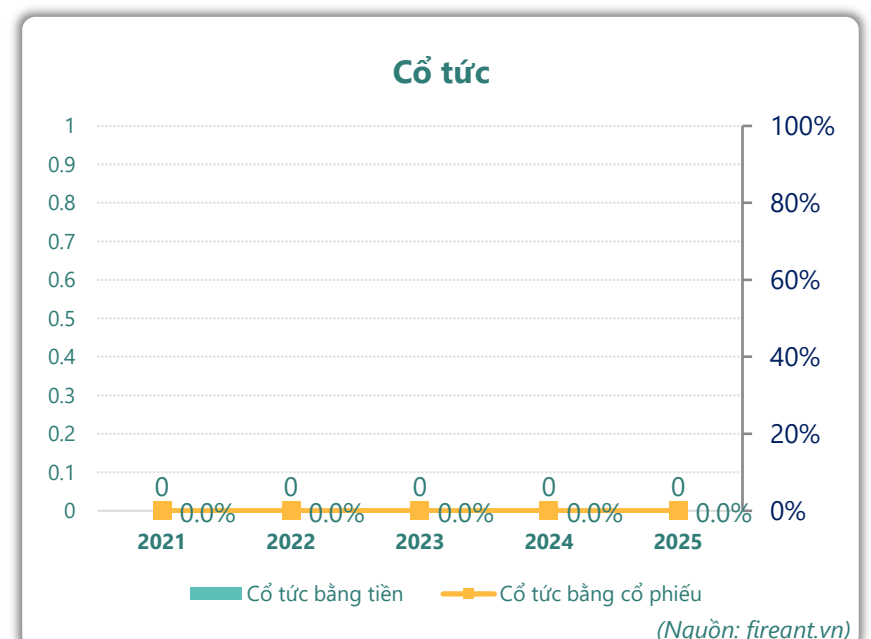
DT thuần 9T 2025
53.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.6 30.4%

LN thuần 9T 2025
-44.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.20 17.2%

LN sau thuế 9T 2025
-44.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.20 17.2%



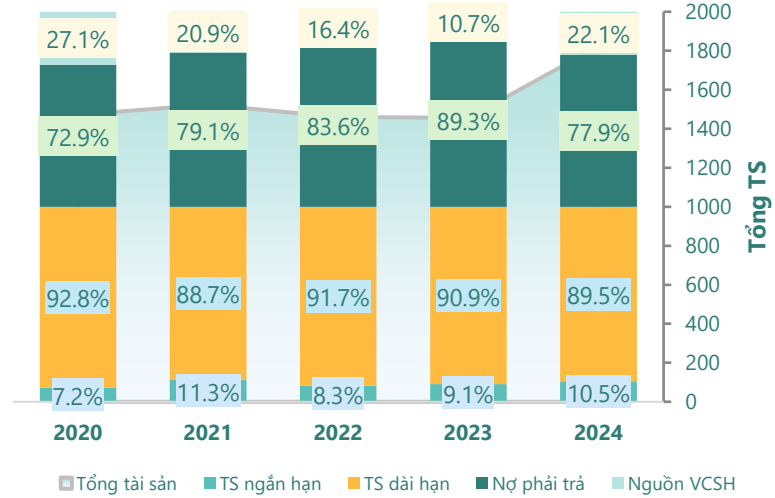
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

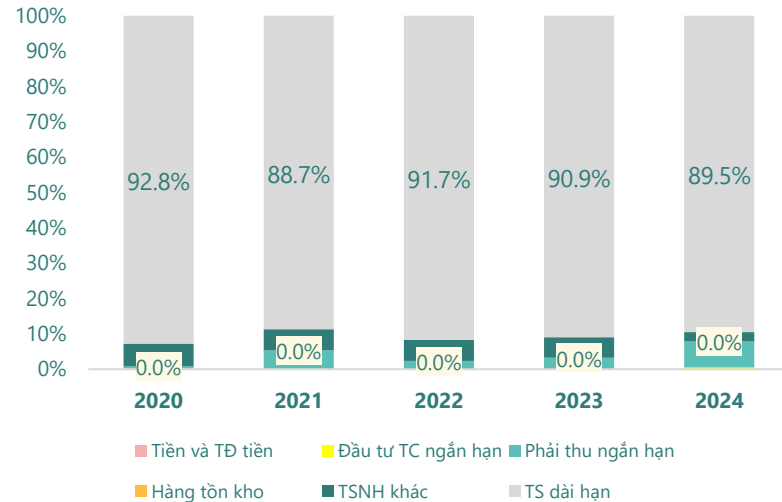
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

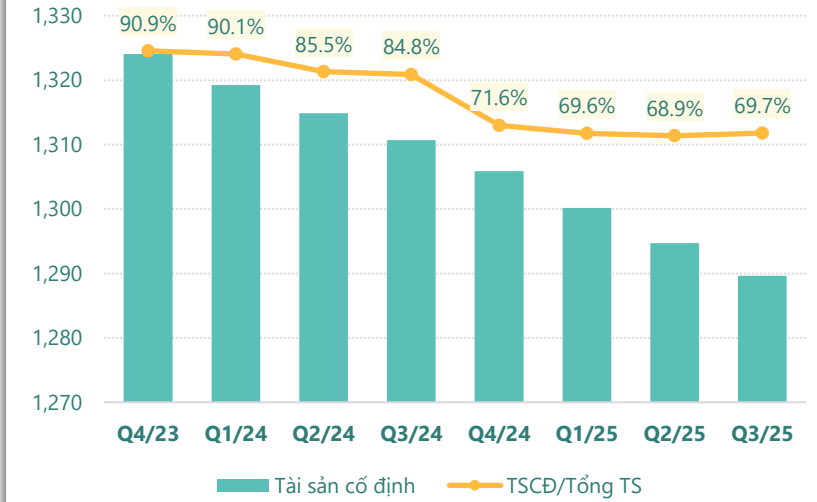
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

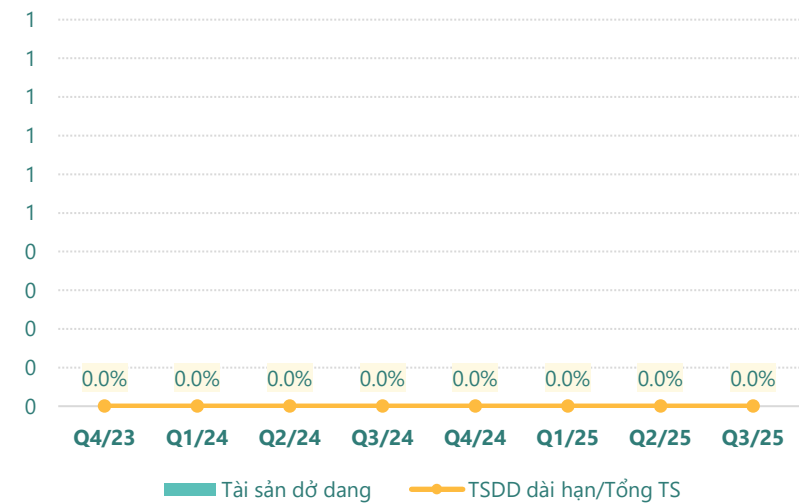
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

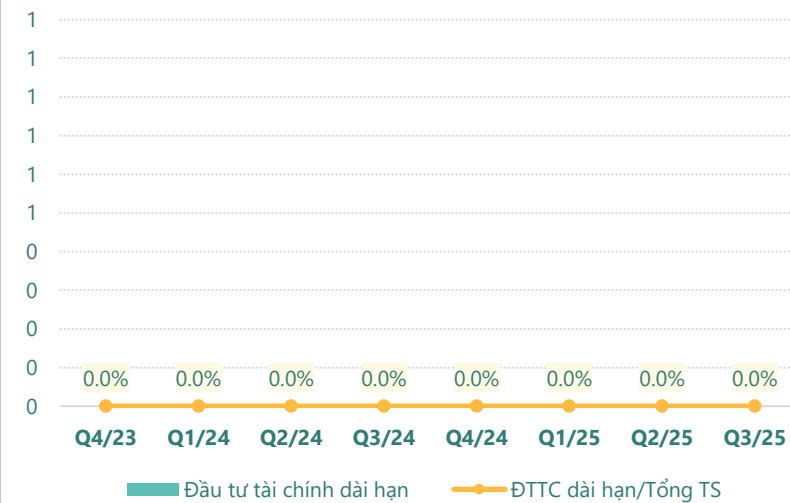
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

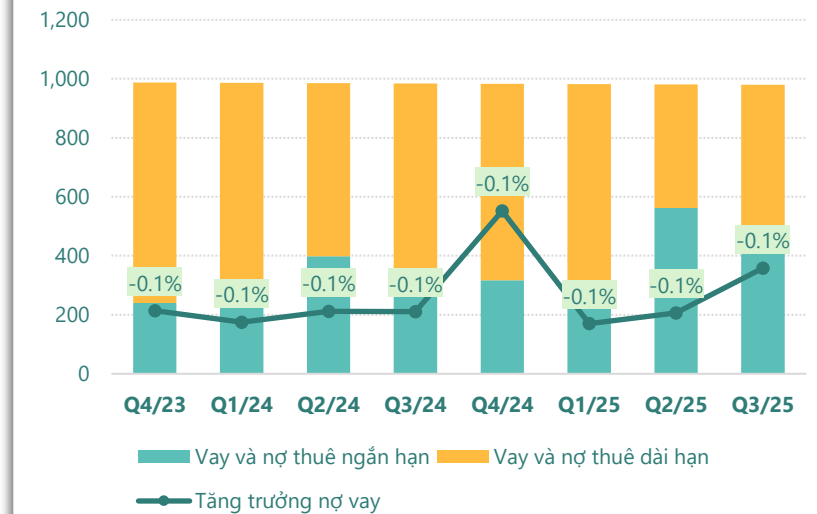
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

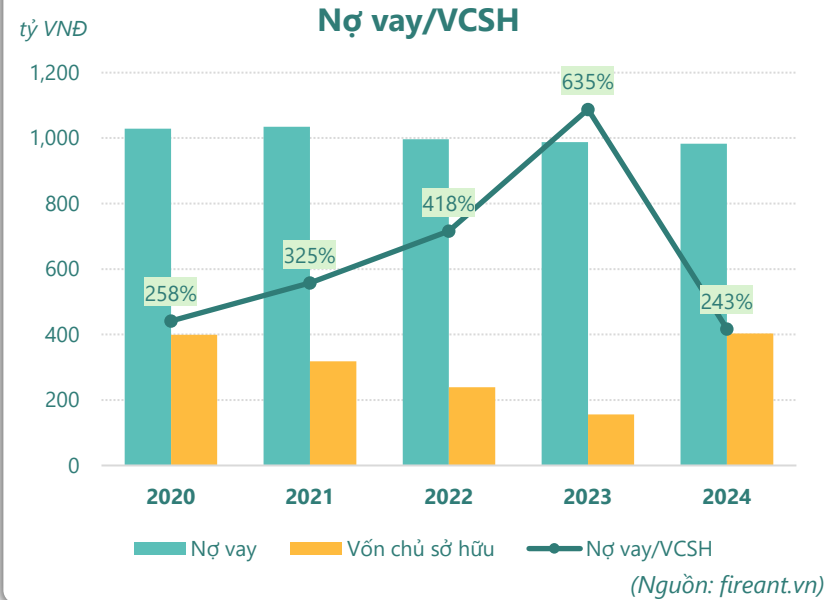
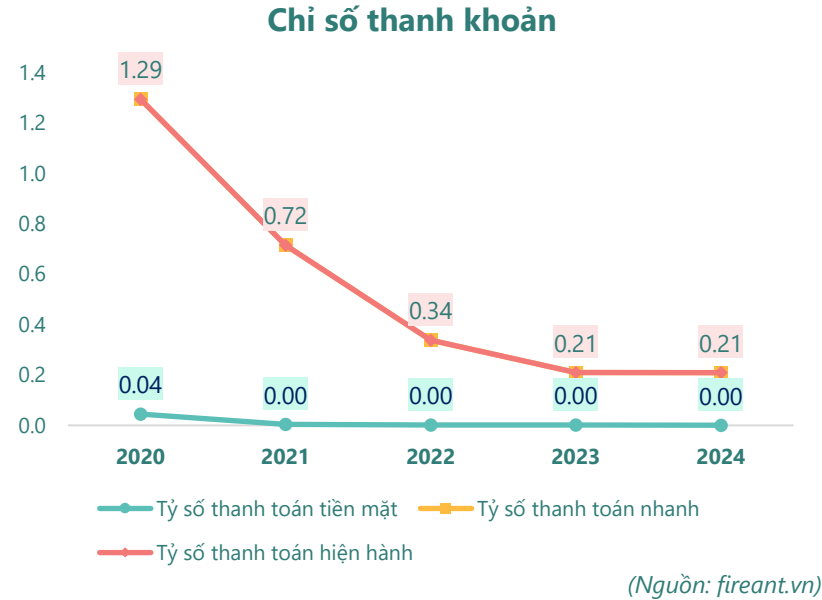
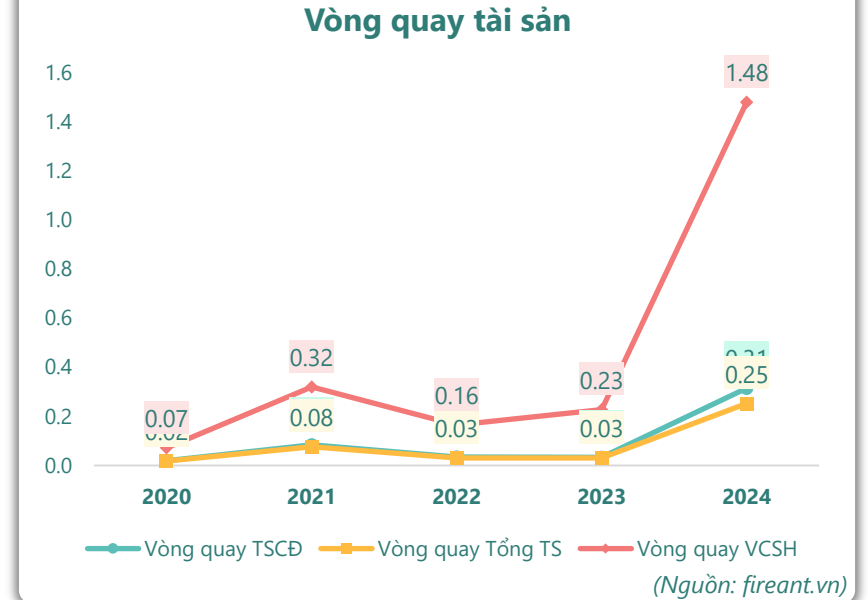
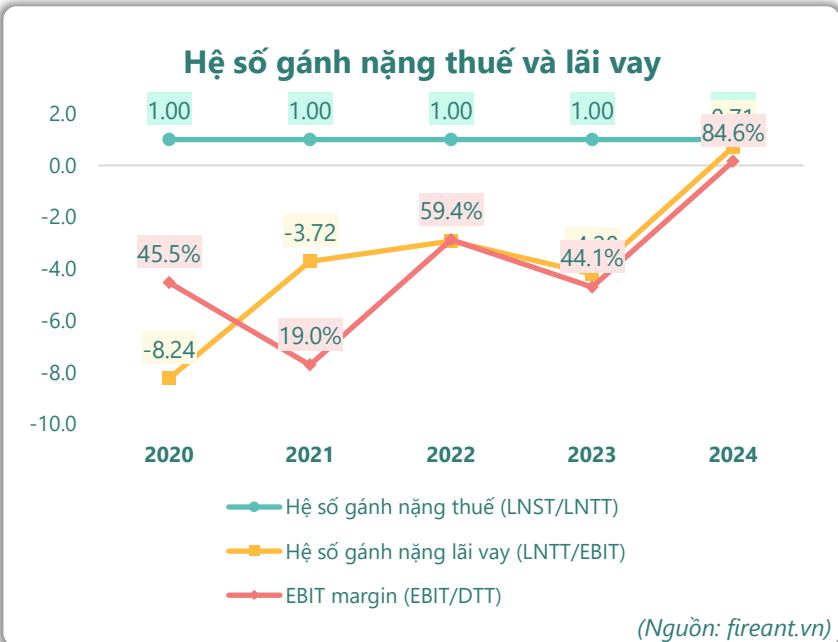
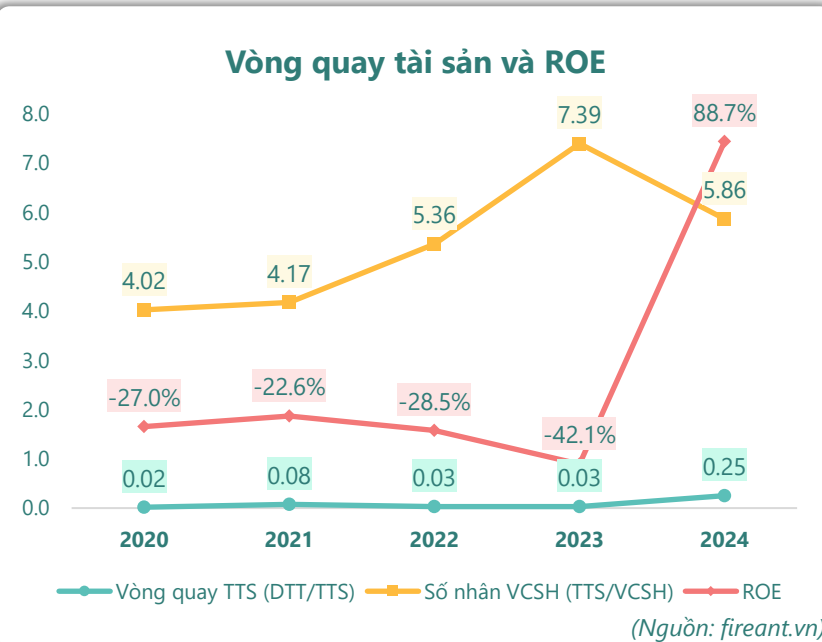
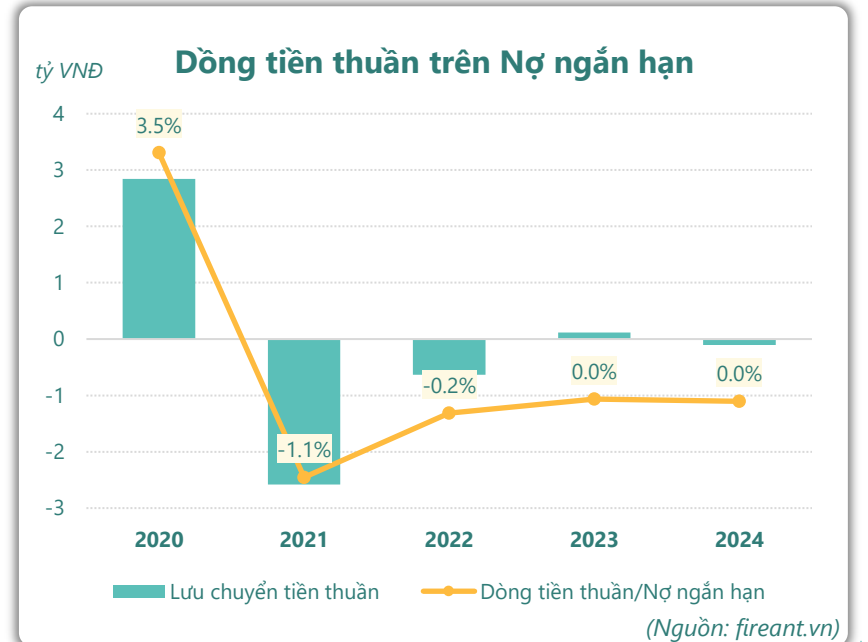
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	15.5	12.8	21.2%	53.7	41.1	30.4%
Giá vốn hàng bán	5.04	4.15	21.3%	19.5	13.4	45.9%
Lợi nhuận gộp	10.5	8.63	21.4%	34.2	27.8	23.0%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.21	0.00	18901%
Chi phí TC	25.4	25.6	-0.6%	75.6	76.2	-0.9%
Chi phí lãi vay	25.4	25.6	-0.6%	75.6	76.2	-0.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.99	1.26	-21.2%	3.49	5.50	-36.5%
LN thuần từ HĐKD	-15.9	-18.2	12.4%	-44.7	-53.9	17.2%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0	0	
LN trước thuế	-15.9	-18.2	12.4%	-44.7	-53.9	17.2%
Lợi nhuận sau thuế	-15.9	-18.2	12.4%	-44.7	-53.9	17.2%
LNST của CĐ cty mẹ	-15.9	-18.2	12.4%	-44.7	-53.9	17.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.00	9.91	-6.61	17.8	-9.74	13.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-9.20	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.30	-1.30	-0.85	-1.35	-1.30	-1.10
Tiền đầu kỳ	17.8	8.53	7.94	0.48	16.9	5.89
Lưu chuyển tiền thuần	-9.30	-0.59	-7.46	16.5	-11.0	12.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.53	7.94	0.48	16.9	5.89	18.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,851	1,823	1.5%
Tài sản ngắn hạn	312	192	62.2%
Tiền và tương đương tiền	18.7	0.48	3779%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.20	9.20	0.0%
Phải thu ngắn hạn	234	134	74.4%
Hàng tồn kho	5.03	0.08	6108%
Tài sản ngắn hạn khác	44.6	48.1	-7.2%
Tài sản dài hạn	1,539	1,631	-5.6%
Phải thu dài hạn	250	325	-23.3%
Tài sản cố định	1,290	1,306	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.06	0.14	-52.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,492	1,420	5.1%
Nợ ngắn hạn	989	917	7.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	477	481	-0.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.6	31.0	-11.0%
Nợ dài hạn	502	502	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	502	502	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	359	404	-11.1%
Vốn chủ sở hữu	359	404	-11.1%
Vốn điều lệ	592	592	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

